TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT
HĐ TS TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ 2025 - ĐỢT 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Lâm Đồng, ngày 22 tháng 5 năm 2025

KẾT QUẢ THI, XÉT TUYỂN TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2025 - ĐỢT 1

1. NGÀNH: TOÁN GIẢI TÍCH

STT	SỐ BÁO DANH	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	ĐIỂM		GHI CHÚ
						XÉT TUYỂN	TIẾNG ANH	
1	250001	Phan Thị Diệu	Huyền	28/12/1987	Nữ	7.47	*Miễn thi*	
2	250002	Đặng Trúc	Phương	21/06/1999	Nữ	7.15	93.00	
3	250003	Nguyễn Tài	Tín	26/03/2002	Nam	8.54	*Miễn thi*	
4	250004	Bùi Thị Bích	Trân	24/04/1994	Nữ	6.73	80.00	
5	250005	Nguyễn Thị Mỹ	Trinh	24/02/1991	Nữ	6.89	80.00	

2. NGÀNH: VẬT LÝ KỸ THUẬT

STT	SỐ BÁO DANH	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	ĐIỂM		GHI CHÚ
						XÉT TUYỂN	TIẾNG ANH	
1	250006	Phạm Thị Mai	Anh	13/08/1996	Nữ	8.22	84.00	
2	250007	Nguyễn Trung	Đức	21/06/1996	Nam	8.11	84.00	
3	250008	Cao Văn	Hải	29/08/1999	Nam	8.47	*Miễn thi*	
4	250009	Hà Huy	Hậu	17/12/1997	Nam	8.32	*Miễn thi*	
5	250010	Trần Anh	Khôi	07/02/1990	Nam	5.90	81.00	
6	250011	Lương Hữu Phú	Lộc	31/10/1997	Nam	8.50	95.00	
7	250012	Nguyễn Hà Trà	My	09/05/1993	Nữ	8.96	*Miễn thi*	
8	250013	Nguyễn Bảo	Ngọc	22/05/1999	Nữ	7.46	*Miễn thi*	
9	250014	Nguyễn Văn	Thành	11/03/1986	Nam	6.89	*Miễn thi*	
10	250015	Lê Thị Phương	Thảo	18/12/1999	Nữ	7.91	*Miễn thi*	
11	250016	Trần Duy Nhật	Thi	06/12/1982	Nam	6.53	95.00	
12	250017	Nguyễn Vĩnh	Thụ	04/01/1989	Nam	7.42	74.00	

3. NGÀNH: SINH HỌC THỰC NGHIỆM

STT	SỐ BÁO DANH	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	ĐIỂM		GHI CHÚ
						XÉT TUYỂN	TIẾNG ANH	
1	250018	Trần Đức	Huy	01/04/2001	Nam	7.02	*Miễn thi*	
2	250019	Nguyễn Đăng	Khoa	02/01/1983	Nam	6.36	78.00	
3	250020	Nguyễn Vũ	Luân	04/06/1989	Nam	6.77	84.00	
4	250021	Hồ Tấn	Phát	07/02/2001	Nam	6.90	70.00	
5	250022	Lê Văn	Toàn	30/12/1982	Nam	6.38	60.00	

4. NGÀNH: VĂN HỌC VIỆT NAM

STT	SỐ BÁO DANH	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	ĐIỂM		GHI CHÚ
						XÉT TUYỂN	TIẾNG ANH	
1	250023	Trần Ngọc Xuân	Anh	23/10/1997	Nữ	8.25	*Miễn thi*	
2	250024	Nguyễn Thị Như	Hạnh	03/09/1982	Nữ	6.18	57.00	
3	250025	Nguyễn Thị	Mến	21/06/1992	Nữ	7.40	54.00	
4	250026	Đỗ Thảo	Ngân	13/11/1996	Nữ	7.71	58.00	

5. NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH

STT	SỐ BÁO DANH	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	ĐIỂM		GHI CHÚ
						XÉT TUYỂN	TIẾNG ANH	
1	250027	Đặng Ngọc Vân	Anh	25/05/2002	Nữ	7.24	*Miễn thi*	
2	250028	Nguyễn Đại	Dương	03/04/1985	Nam	5.41	68.00	
3	250029	Đoàn Như Bảo	Duy	01/05/1993	Nam	7.27	92.00	
4	250030	Lâm Thị	Giang	16/03/1988	Nữ	6.40	73.00	
5	250031	Võ Thị Thanh	Hà	07/10/1994	Nữ	7.41	72.00	
6	250032	Lê Mỹ	Hà	13/03/2002	Nữ	6.80	72.00	
7	250033	Nguyễn Mạnh	Hùng	25/01/1995	Nam	7.12	75.00	

8	250034	Nguyễn Ngọc Phương	Khanh	21/09/2000	Nữ	7.13	79.00	
9	250035	Sử Duy	Khoa	05/08/2003	Nam	7.66	67.00	
10	250036	Nguyễn Phương Hồng	Nhạn	19/10/2002	Nữ	9.03	80.00	
11	250037	Phạm Hoàng	Oanh	28/02/2003	Nữ	7.30	69.00	
12	250038	Trần Anh Hoài	Phương	16/10/1999	Nữ	6.41	70.00	
13	250039	Lê Ngô Nhật	Quang	24/11/2000	Nam	5.88	75.00	
14	250040	Phan Thị Lệ	Quyên	17/11/1989	Nữ	6.67	80.00	
15	250041	Dương Thanh	Thảo	07/11/2002	Nữ	6.90	*Miễn thi*	
16	250042	Đào Quang	Thu	16/01/2000	Nam	7.90	*Miễn thi*	
17	250043	Vũ Xuân	Tình	11/12/1978	Nam	5.89	60.00	
18	250044	Nguyễn Quỳnh	Trâm	11/07/1999	Nữ	6.53	71.00	
19	250045	Hà Quốc	Tuấn	16/08/1991	Nam	6.48	58.00	
20	250046	Lưu Bảo	Vũ	15/03/1988	Nam	5.95	65.00	
21	250047	Nguyễn Ngọc Khánh	Vy	04/04/2002	Nữ	7.68	*Miễn thi*	

6. NGÀNH: LUẬT

STT	SỐ BÁO DANH	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	ĐIỂM		GHI CHÚ
						XÉT TUYỂN	TIẾNG ANH	
1	250048	Trần Thị Yến	Ẩn	12/01/1991	Nữ	7.32	*Miễn thi*	
2	250049	Hà Đức	Anh	22/11/2000	Nam	6.69	*Miễn thi*	
3	250050	Đặng Ngọc Gia	Bảo	14/10/2000	Nam	7.33	57.00	
4	250051	Hoàng Thị Phương	Chi	06/06/1987	Nữ	10.82	66.00	
5	250052	Lê Chí	Công	02/08/2000	Nam	8.80	57.00	
6	250053	Hoàng Thị Thùy	Dung	26/06/1990	Nữ	8.41	*Miễn thi*	
7	250054	Hoàng Ngọc Trung	Dũng	12/05/1987	Nam	9.50	65.00	
8	250055	Phạm Văn	Dương	04/02/1990	Nam	9.97	57.00	
9	250056	Nguyễn Thị Thùy	Dương	15/03/1993	Nữ	8.74	64.00	
10	250057	Trần Thùy	Dương	20/04/1984	Nữ	9.36	Vắng thi	
11	250058	Đinh Tấn	Duy	16/09/1999	Nam	7.47	*Miễn thi*	
12	250059	Cao Ngân	Hà	13/01/1998	Nữ	7.49	59.00	
13	250060	Nguyễn Hải	Hà	06/06/2000	Nữ	6.86	*Miễn thi*	
14	250061	Trần Thị	Hằng	19/05/1993	Nữ	9.96	57.00	

15	250062	Nguyễn Công	Hậu	23/03/2002	Nam	6.45	58.00	
16	250063	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền	15/09/2001	Nữ	9.02	79.00	
17	250064	Nguyễn Trần Thanh	Hiền	12/07/2000	Nữ	7.12	*Miễn thi*	
18	250065	Nguyễn Lê Trung	Hiếu	12/03/1996	Nam	7.78	72.00	
19	250066	Phan Thị Thu	Hoài	16/01/2002	Nữ	7.57	*Miễn thi*	
20	250067	Nguyễn Hữu	Hùng	04/11/1998	Nam	7.82	57.00	
21	250068	Nguyễn Quỳnh	Hương	11/10/1992	Nữ	8.68	59.00	
22	250069	Hoàng Thị Thu	Hường	27/02/2002	Nữ	8.70	*Miễn thi*	
23	250070	Đỗ Ngọc	Huy	23/07/2002	Nam	8.34	*Miễn thi*	
24	250071	Phạm Thị Thu	Huyền	02/11/2001	Nữ	7.70	78.00	
25	250072	Bùi Thị	Lan	09/12/1987	Nữ	10.26	64.00	
26	250073	Lê Thị	Loan	20/04/1997	Nữ	8.40	66.00	
27	250074	Đào Thị	Lương	12/09/1991	Nữ	10.28	59.00	
28	250075	Lê Đình	Mạnh	10/06/1982	Nam	9.17	53.00	
29	250076	Hà Đặng Quang	Minh	20/08/1999	Nam	5.75	*Miễn thi*	
30	250077	Trần Nam Duy	Minh	17/07/1995	Nam	6.82	*Miễn thi*	
31	250078	Phan Thị Trà	My	20/10/1999	Nữ	6.55	51.00	
32	250079	Nguyễn Mai Hạ	My	18/06/2002	Nữ	7.34	*Miễn thi*	
33	250080	Lê Xuân	Nam	15/12/1988	Nam	8.90	*Miễn thi*	
34	250081	Nguyễn Phương	Ngân	26/01/1998	Nữ	9.29	*Miễn thi*	
35	250082	Cao Thị Yến	Nhạn	24/01/1989	Nữ	8.89	58.00	
36	250083	Bùi Lê Thảo	Nhi	02/07/2001	Nữ	7.59	*Vắng thi*	
37	250084	Nguyễn Bảo	Như	20/07/2002	Nữ	8.06	*Miễn thi*	
38	250085	Đào Thị Hồng	Nhung	16/02/2002	Nữ	8.15	*Miễn thi*	
39	250086	Cao Quang Tiến	Phát	27/10/2000	Nam	7.08	*Vắng thi*	
40	250087	Lê Xuân	Phi	02/03/1993	Nam	8.15	*Vắng thi*	
41	250088	Cao Minh	Phú	27/10/1992	Nam	9.84	55.00	
42	250089	Lê Việt	Phúc	03/10/1988	Nam	8.27	*Miễn thi*	
43	250090	Tạ Văn	Sơn	01/11/1980	Nam	8.97	60.00	
44	250091	Phan Văn	Sơn	19/05/1982	Nam	8.93	79.00	
45	250092	Nguyễn Quốc	Tâm	20/02/1991	Nam	9.77	*Vắng thi*	
46	250093	Lê Văn	Thành	24/02/1973	Nam	9.91	*Miễn thi*	
47	250094	Đinh Thị Ngọc	Thảo	04/04/2001	Nữ	7.82	*Miễn thi*	
48	250095	Lâm Thị Thu	Thảo	12/10/1989	Nữ	9.50	*Miễn thi*	

49	250096	Lê Thị Phương	Thảo	10/05/2002	Nữ	8.42	*Miễn thi*	
50	250097	Cao Huy	Tiên	18/12/1996	Nam	8.67	63.00	
51	250098	Đinh Như	Tiến	02/06/1988	Nam	8.53	*Vắng thi*	
52	250099	Trần Thị Hương	Trang	23/12/1985	Nữ	9.24	67.00	
53	250100	Nguyễn Quốc	Trí	18/05/1996	Nam	8.73	*Vắng thi*	
54	250101	Lê Xuân	Trọng	13/05/1990	Nam	9.56	*Miễn thi*	
55	250102	Nguyễn Văn	Trung	10/12/1995	Nam	8.55	63.00	
56	250103	Mai Thành	Trung	15/06/2001	Nam	8.77	78.00	
57	250104	Nguyễn Văn	Trường	01/10/2001	Nam	7.62	58.00	
58	250105	Phạm	Tuấn	16/10/1984	Nam	9.49	54.00	
59	250106	Lê Quang	Tuấn	20/06/1990	Nam	9.62	62.00	
60	250107	Cao Phương	Tuyền	13/08/2002	Nữ	7.68	50.00	

7. NGÀNH: NGÔN NGỮ ANH

STT	SỐ BÁO DANH	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	ĐIỂM		GHI CHÚ
						XÉT TUYỂN	NGOẠI NGỮ THỨ 2	
1	250113	Nguyễn Quỳnh	Anh	24/04/1992	Nữ	7.11	97.50	
2	250114	Nguyễn Thị Vân	Anh	14/01/1981	Nữ	6.75	80.50	
3	250115	Hồ Trần Quốc	Bảo	21/12/2000	Nam	6.95	80.50	
4	250116	Trần Thị Minh	Chung	07/11/2000	Nữ	6.95	62.00	
5	250117	Lê Gia	Hân	12/06/2002	Nữ	6.54	93.50	
6	250118	Phạm Từ Nhật	Khang	08/08/1996	Nam	8.70	59.00	
7	250119	Ngô Thị Vân	Kiều	28/05/1990	Nữ	8.19	81.00	
8	250120	Hùng Thị Ngọc	Linh	21/10/2000	Nữ	7.82	76.00	
9	250121	Hoàng Quỳnh	Mai	03/03/1998	Nữ	9.25	76.00	
10	250122	Trương Thị Bình	Nhi	03/09/1995	Nữ	8.43	96.00	
11	250123	Trần Thị Bích	Phượng	04/11/2000	Nữ	7.36	72.00	
12	250124	Hồ Thị	Thoan	29/06/1988	Nữ	6.20	82.00	
13	250125	Nguyễn Thị	Thương	02/07/1998	Nữ	6.90	74.00	
14	250126	Lương Thị	Phượng	20/04/1980	Nữ	5.66	50.00	
15	250127	Nguyễn Thị Bích	Thủy	02/08/1995	Nữ	7.42	73.00	
16	250128	Mai Đỗ Anh	Thy	01/10/2002	Nữ	7.05	50.00	

17	250129	Võ Thanh	Tuyền	26/01/1994	Nữ	7.23	92.50	
18	250130	Nguyễn Thảo	Uyên	23/06/2000	Nữ	6.79	69.00	
19	250131	Trần Hoài Thế	Vũ	05/08/1995	Nam	7.58	52.00	
20	250132	Hoàng Hải	Vương	13/07/1979	Nam	7.01	50.00	

8. NGÀNH: QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH

STT	SỐ BÁO DANH	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	ĐIỂM		GHI CHÚ
						XÉT TUYỂN	TIẾNG ANH	
1	250108	Trần Thị Hồng	Hạnh	01/05/1989	Nữ	7.97	*Miễn thi*	
2	250109	Nguyễn Đắc	Hữu	25/02/1987	Nam	6.59	82.00	
3	250110	Nguyễn Thị Thanh	Vân	01/09/1984	Nữ	8.00	91.00	
4	250111	Lê Quang	Vũ	22/04/1998	Nam	8.48	93.00	
5	250112	Trương Đặng Lan	Vy	28/01/1999	Nữ	8.34	95.00	

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

HIỆU TRƯỞNG

Lê Minh Chiến